

Phụ biểu

TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI NSNN NĂM 2026 NGÀNH Y TẾ (ĐỢT 2)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Đơn vị	Tổng cộng	Kinh phí không tự chủ (Phụ biểu 01)	Kinh phí Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND (Phụ biểu 02)	Kinh phí Nghị quyết số 25/2023/NQ-HĐND (Phụ biểu 03)	Kinh phí Khen thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP (Phụ biểu 04)	Kinh phí Công nghệ thông tin (Phụ biểu 05)	Kinh phí Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước - Khám sức khỏe cán bộ (Phụ biểu 06)	Kinh phí mua sắm trang thiết bị (Phụ biểu 07)	Kinh phí chi đảm bảo xã hội - các chương trình đề án (Phụ biểu 08)	Kinh phí Quà Tết Nguyên đán 2026 (Phụ biểu 09)	Kinh phí giao cho Trạm Y tế (Phụ biểu 10)	Nhiệm vụ khác (Phụ biểu 11)	Ghi chú
	Tổng cộng	488.777	21.537	6.250	2.945	10.366	12.626	1.506	350.036	4.407	2.247,5	36.532,5	40.324	
1	Văn phòng Sở Y tế	103.718	12.236			524	12.626			1.357	118,0	36.532,5	40.324	
2	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm	1.420	1.267			151					2,0			
3	Chi cục Dân số	2.038	1.033			151				847	6,5			
4	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh	68.166	950	1.125				1.499	64.186		406,0			
5	Bệnh viện Bãi Cháy	37.192	818	2.125					33.887		362,0			
6	Bệnh viện Sản Nhi	958	812								146,0			
7	Bệnh viện Đa khoa khu vực Cẩm Phả	35.079	190						34.764		124,5			
8	Bệnh viện Phổi	12.705		100		1.295			11.250		60,0			
9	Bệnh viện Sức khỏe tâm thần	25.675	2.915			1.330			21.081	272	77,0			

STT	Đơn vị	Tổng cộng	Kinh phí không tự chủ (Phụ biểu 01)	Kinh phí Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND (Phụ biểu 02)	Kinh phí Nghị quyết số 25/2023/NQ-HĐND (Phụ biểu 03)	Kinh phí Khen thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP (Phụ biểu 04)	Kinh phí Công nghệ thông tin (Phụ biểu 05)	Kinh phí Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước - Khám sức khoẻ cán bộ (Phụ biểu 06)	Kinh phí mua sắm trang thiết bị (Phụ biểu 07)	Kinh phí chi đảm bảo xã hội - các chương trình đề án (Phụ biểu 08)	Kinh phí Quà Tết Nguyên đán 2026 (Phụ biểu 09)	Kinh phí giao cho Trạm Y tế (Phụ biểu 10)	Nhiệm vụ khác (Phụ biểu 11)	Ghi chú
10	Bệnh viện Y dược cổ truyền	8.764							8.735		29,0			
11	Bệnh viện Lão khoa - Phục hồi chức năng	9.413				782			8.505	52	73,5			
12	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	51.917	-			1.561			50.328		28,0			
13	Trung tâm Kiểm nghiệm	4.743	117			273			4.353					
14	Trung tâm Kiểm dịch Y tế quốc tế	530			528						2,0			
15	Trung tâm vận chuyển cấp cứu	1.255	1.062			180					13,0			
16	Trung tâm Pháp y	1.088	137			94			855		2,0			
17	Trung tâm Giám định Y khoa	2									2,0			
18	Bệnh viện đa khoa Cẩm Phả	16.770							16.685		84,5			
19	Bệnh viện Đa khoa khu vực Đông Triều	17.636		650		482		1	16.395		108,5			
20	Bệnh viện Đa khoa khu vực Quảng Yên	17.902		550		834			16.462		56,0			
21	Bệnh viện Đa khoa khu vực Vân Đồn	23.955			2.165	613		4	21.098		75,5			
22	Bệnh viện Đa khoa khu vực Tiên Yên	23.250		1.150	252	1.170		1	20.550		127,0			

STT	Đơn vị	Tổng cộng	Kinh phí không tự chủ (Phụ biểu 01)	Kinh phí Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND (Phụ biểu 02)	Kinh phí Nghị quyết số 25/2023/NQ-HĐND (Phụ biểu 03)	Kinh phí Khen thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP (Phụ biểu 04)	Kinh phí Công nghệ thông tin (Phụ biểu 05)	Kinh phí Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước - Khám sức khoẻ cán bộ (Phụ biểu 06)	Kinh phí mua sắm trang thiết bị (Phụ biểu 07)	Kinh phí chi đảm bảo xã hội - các chương trình đề án (Phụ biểu 08)	Kinh phí Quà Tết Nguyên đán 2026 (Phụ biểu 09)	Kinh phí giao cho Trạm Y tế (Phụ biểu 10)	Nhiệm vụ khác (Phụ biểu 11)	Ghi chú
23	Bệnh viện Đa khoa khu vực Móng Cái	21.382		550		637		1	19.994		200,5			
24	Trung tâm Trợ giúp xã hội	3.221				289			909	1.879	144,0			